TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

Bản án số: **258/**2026/HSST
Ngày: 08/04/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Chiến
Ông Nguyễn Tiến Chuyển

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: *Ông Hà Hùng Cường* - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Hà Nội tham gia phiên toà: *Ông Nguyễn Tuấn Anh* - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 04 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 110/2026/HSST ngày 06/02/2026 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2026/QĐXXST-HS ngày 09/03/2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 40/2026/HSST-QĐ ngày 24/3/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **PHẠM VĂN T**, sinh năm 1996. Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Thôn T, phường S, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn M, sinh năm 1965 và bà Phạm Thị M1, sinh năm 1966; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đầu thú ngày 26/9/2025, tạm giữ từ ngày 27/9/2025; tạm giam từ ngày 6/10/2025. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Số 01 - Công an thành phố H.

(Bị cáo có mặt tại phiên toà)

2. Họ và tên: **KIỀU TIẾN Đ**, sinh năm 1998. Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Thôn A, xã L, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Kiều Tiến T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đầu thú ngày 26/9/2025, tạm giữ từ ngày 27/9/2025; tạm giam từ ngày 6/10/2025. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Số 01 - Công an thành phố H.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

3. Họ và tên: **HOÀNG T4**, sinh năm 1993. Giới tính: Nam; Nơi thường trú: TDP A, phường A, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1973; Tiền án, tiền sự: Không. Bị

cáo đầu thú ngày 26/9/2025, tạm giữ từ ngày 27/9/2025; tạm giam từ ngày 6/10/2025. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Số 01 - Công an thành phố H.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

4. Họ và tên: **LÊ THÚC H1**, sinh năm 1993. Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Thúc H2 (đã chết) và bà Lê Thị V, sinh năm 1971; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đầu thú ngày 26/9/2025, tạm giữ từ ngày 27/9/2025; tạm giam từ ngày 6/10/2025. Hủy bỏ biện pháp tạm giam ngày 25/12/2025. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cú trú".

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

5. Họ và tên: **DƯƠNG VĂN H3**, sinh năm 1999. Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Xóm G, xã P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn H4, sinh năm 1974 và bà Hoàng Thị X, sinh năm 1978; Có vợ là: Bùi Thị Hồng P, sinh năm 2003 và 01 con sinh năm 2025; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đầu thú ngày 26/9/2025, tạm giữ từ ngày 27/9/2025. Hủy bỏ quyết định tạm giữ ngày 06/10/2025. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cú trú".

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

6. Họ và tên: **TRẦN TRỌNG L1**, sinh năm 1997. Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Xóm C, xã H, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Q, sinh năm 1963 và bà Bùi Thị N, sinh năm 1967; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đầu thú ngày 26/9/2025, tạm giữ từ ngày 27/9/2025. Hủy bỏ quyết định tạm giữ ngày 06/10/2025. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cú trú".

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

***Người bị hại**: Anh Đoàn Sĩ T2, sinh ngày 10/7/1973.

Nơi thường trú: Thôn Đan Điền, xã Vĩnh Thuận, TP Hải Phòng.

Nơi ở: Số 17T9 Nguyễn Thị Thập, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên tòa – Đã có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22h00' ngày 25/9/2025, anh Đoàn Sĩ T2 (Sinh năm: 1973; Nơi thường trú: thôn Đ, xã V, thành phố Hải Phòng) đi cùng với bạn xã hội là anh T3 (không xác định được) đến hát Karaoke quán K (địa chỉ: Số B đường T, phường Y, TP Hà Nội)

và được Phạm Văn T, Kiều Tiến Đ cùng 03 nhân viên nữ vào phục vụ tại phòng 403. Anh T2 và anh T3 hát karaoke đến khoảng 00h30’ ngày 26/09/2025 thì anh T3 ra gọi T, Đ mang hóa đơn thanh toán cho anh T2 rồi anh T3 đi về trước. T xuống quầy thu ngân tính hóa đơn với tổng số tiền là 5.666.000 đồng, bao gồm: 1.866.000 đồng tiền hát ở phòng, 2.800.000 đồng tiền thưởng cho 03 nhân viên nữ và 1.000.000 đồng tiền thưởng cho T và Đ phục vụ phòng (trước khi về anh T3 hứa cho T và Đ số tiền này). Khi T đưa hóa đơn cho anh T2, anh T2 xem và nói không có tiền thì T yêu cầu anh T2 phải thanh toán tiền hóa đơn xong mới được về, không cho anh T2 ra khỏi phòng 403. Lúc này, Hoàng T4 là nhân viên bảo vệ ở tầng 1 nghe thấy có khách không thanh toán tiền hát thì đi lên phòng 403 ngồi cạnh bên tay phải của anh T2. T4 liên tục yêu cầu anh T2 phải chuyển tiền cho T nhưng anh T2 không thanh toán và ném chiếc điện thoại của mình xuống sàn nhà. Lúc này, T4 dùng tay phải tát 02 lần vào mặt anh T2, T cũng lao vào đấm anh T2 02 lần vào lưng và yêu cầu anh T2 phải chuyển tiền trả hóa đơn dịch vụ đã sử dụng. Sau đó, T4 đứng dậy đi xuống tầng 1. Lúc này, T và Đ ở lại trong phòng với anh T2 tiếp tục yêu cầu anh T2 trả tiền nhưng anh T2 không trả. T tiếp tục dùng tay phải tát vào mặt và đấm vào sườn của anh T2. Đ tiến lại nhặt điện thoại của anh T2 ở sàn nhà lên đưa cho anh T2 yêu cầu anh T2 đọc mật khẩu để Đ nhập mật khẩu mở máy và đọc tài khoản ngân hàng để đăng nhập. Sau khi đăng nhập được vào tài khoản ngân hàng trên điện thoại của anh T2, Đ đưa điện thoại cho anh T2 tự quét mã QR tài khoản ngân hàng của T để thanh toán số tiền 3.100.000 đồng từ tài khoản 0031000199495 tại ngân hàng V1 của anh T2 đến tài khoản 19035671591010 tại ngân hàng T6 của T, còn thiếu 2.566.000 đồng. Chuyển tiền xong, T và Đ vẫn yêu cầu anh T2 ngồi trong phòng, yêu cầu phải thanh toán nốt số tiền còn thiếu thì mới được về.

Do đã hết ca làm việc, T gọi điện thoại cho Lê Thúc H1 (là giám sát của quán) để bảo H1 về trông khách thanh toán thiếu tiền. Đến khoảng 01h ngày 26/9/2026, khi H1 lên phòng 403, T nói với H1 khách mới thanh toán được 3.100.000 đồng còn thiếu 2.566.000 đồng. H1 đi vào phòng hỏi anh T2 thì thấy vùng mặt của anh T2 ửng đỏ, H1 ra hỏi “mày đánh nó à” thì T nhận vừa đánh anh T2. H1 bảo T và Đ đi về. Sau đó, H1 đã gọi Dương Văn H3 (là nhân viên phục vụ) lên phòng 403. H1 bảo H3 là khách mới thanh toán được 3.100.000 đồng còn thiếu 2.566.000 đồng khi nào khách trả đủ mới cho về. H3 ngồi cửa phòng 403 trông giữ không cho anh T2 ra ngoài. Đến khoảng 03h00' ngày 26/9/2025, anh T2 muốn đi về và bảo H3 cho về nhưng H3 không đồng ý mà đưa anh T2 xuống tầng 1 ngủ ở quầy lễ tân và gọi Trần Trọng L1 (là nhân viên phục vụ) xuống cùng trông giữ không cho anh T2 về. Đến khoảng 06h00' ngày 26/9/2025, anh T2 thức dậy và lấy điện thoại của mình gọi báo tin cho Cơ quan Công an nên H3 gọi điện thoại cho H1 về để xử lý. Khoảng 10 phút sau, H1 về nói chuyện với anh T2 nhưng anh T2 không có tiền trả, tiếp tục lấy điện thoại ra gọi cơ quan Công an thì H3 lao vào dùng hai tay giữ tay trái của anh T2, H1 giữ tay phải của anh T2 để anh T2 không gọi được cho công an và yêu cầu anh T2

phải thanh toán nốt phần tiền còn thiếu. Sau đó, Công an phường Y đã đến yêu cầu mở cửa và đưa các bị cáo và anh T2 về trụ sở làm việc.

Cơ quan điều tra đã thu giữ của Lê Thúc H1: 01 (một) hóa đơn thanh toán số: HD260925-0007-Bàn: P.403 (BL 299A – 299C).

Tại Cơ quan công an, các bị cáo Hoàng T4, Phạm Văn T, Kiều Tiến Đ, Lê Thúc H1, Dương Văn H3, Trần Trọng L1 đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Anh Đoàn Sĩ T2 đã có đơn từ chối giám định thương tật gửi cơ quan điều tra. Hiện, anh T2 không có yêu cầu bồi thường dân sự.

Bản cáo trạng số **285**/CT-VKSKV4 ngày 30/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hà Nội truy tố các bị cáo Phạm Văn T, Hoàng T4 và Kiều Tiến Đ về tội "*Cướp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Lê Thúc H1, Dương Văn H3 và Trần Trọng L1 về tội "*Giữ người trái pháp luật*" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà: Các bị cáo Phạm Văn T, Hoàng T4, Kiều Tiến Đ, Lê Thúc H1, Dương Văn H3 và Trần Trọng L1 thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra và đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hà Nội giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng, phân tích các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: tại cơ quan điều tra và tại phiên toà các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; nhân thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự lần đầu bị đưa ra xét xử; người bị hại cũng có một phần lỗi khi không thanh toán tiền hoá đơn dịch vụ hát tại quán; sau khi các bị cáo phạm tội đã ra đầu thú, người bị hại đã có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt đối với tất cả các bị cáo. Đối với các bị cáo H1, H3, L1 có vai trò thứ yếu, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

Sau khi phân tích đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 299 và khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T mức án từ 30 tháng đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 60 tháng kể từ ngày Toà tuyên án;

Xử phạt bị cáo Hoàng T4 mức án từ 30 tháng đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 60 tháng kể từ ngày Toà tuyên án;

Xử phạt bị cáo Kiều Tiến Đ mức án mức án từ 30 tháng đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 60 tháng kể từ ngày Toà tuyên án;

Tuyên trả tự do ngay tại phiên toà cho các bị cáo Phạm Văn T, H, Kiều Tiến Đ nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Áp dụng khoản 1 điều 157; điểm b, s, i khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Bị cáo Lê Thúc H1 06 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách từ 12 tháng 20 tháng kể từ ngày Toà tuyên án;

Bị cáo Dương Văn H3 06 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách từ 12 tháng 20 tháng kể từ ngày Toà tuyên án;

Bị cáo Trần Trọng L1 06 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách từ 12 tháng 20 tháng kể từ ngày Toà tuyên án;

Về xử lý vật chứng: không

Người bị hại anh Đoàn Sĩ T2 vắng mặt tại phiên tòa, anh T2 đã có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn yêu cầu bồi thường, đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Tại đơn yêu cầu bồi thường đề ngày 12/3/2026 anh T2 yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường cho anh thiệt hại về tinh thần, anh phải đi thăm khám do bị đánh, anh yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường cho anh số tiền 6.000.000 (Sáu triệu) đồng. Tại đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt anh xác nhận đã được các bị cáo Lê Thúc H1, Dương Văn H3, Trần Trọng L1 và gia đình các bị cáo Hoàng T4, Phạm Văn T, Kiều Tiến Đ bồi thường cho anh số tiền 6.000.000 (Sáu triệu) đồng. Anh không có yêu cầu gì khác về dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo và anh xin xét xử vắng mặt do bận công việc không đến tham gia phiên tòa được.

Căn cứ vào chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Hành vi phạm tội và tội danh:

Lời khai nhận về hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hà Nội đã truy tố, phù hợp với kết luận điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng đã thu giữ được và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 22h00' ngày 25/9/2025, anh Đoàn Sĩ T2 sử dụng dịch vụ hát karaoke tại quán K1 (địa chỉ: số B T, phường Y, thành phố Hà Nội) nhưng không thanh toán số tiền dịch vụ hát karaoke là 5.666.000 đồng nên Phạm Văn T, Hoàng T4, Kiều Tiến Đ đã có hành vi tát vào mặt, đấm vào người anh T2, ép anh T2 mở điện thoại để chuyển số tiền 3.100.000 đồng từ tài khoản 0031000199495 tại ngân hàng V1 của anh T2 đến tài khoản 19035671591010 tại ngân hàng T6 của T.

Trong thời gian từ 01h00' đến 06h00 ngày 26/9/2025, Lê Thúc H1, Dương Văn H3, Trần Trọng L1 đã có hành vi trông giữ, không cho anh T2 ra khỏi quán, yêu cầu anh T2 trả tiền mới được về.

Hành vi dùng vũ lực ngay tức khắc (dùng tay tát vào mặt, đánh, đấm vào người anh T2) của các bị cáo Phạm Văn T, Hoàng T4 buộc anh T2 phải trả tiền phòng hát ngay và hành vi của Kiều Tiến Đ giúp sức cho T, T4 bằng việc mở điện thoại của anh T2, yêu cầu anh T2 đăng nhập tài khoản để chuyển khoản cho T thanh toán tiền

hóa đơn còn nợ, khi anh T2 run tay không mở được thì Đ lấy điện thoại của anh T2, yêu cầu anh T2 đọc mật khẩu ngân hàng, sau khi đăng nhập được tài khoản Đ đưa điện thoại cho anh T2 để anh T2 tự quét mã QR tài khoản của T để thanh toán tiền dịch vụ nhằm mục đích để chiếm đoạt tài sản đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, đủ yếu tố cấu thành tội "*Cướp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự; hành vi của các bị cáo Lê Thúc H1, Dương Văn H3 và Trần Trọng L1 không phải là người có thẩm quyền về việc giữ người theo quy định pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi cưỡng ép giữ người trái phép đối với người bị hại- anh Đoàn Sĩ T2 đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Giữ người trái pháp luật"* theo quy định tại khoản 1 điều 157 Bộ luật hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hà Nội là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Văn T, Hoàng T4 và Kiều Tiến Đ là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Hành vi phạm tội của các bị cáo Lê Thúc H1, Dương Văn H3 và Trần Trọng L1 là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do thân thể của công dân mà còn ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, có nhận thức xã hội dù biết hành vi đã thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, ảnh hưởng xấu đến xã hội nên cần phải xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án:

Đối với hành vi của các bị cáo Hoàng T4, Phạm Văn T, Kiều Tiến Đ Hội đồng xét xử thấy vụ án có tính chất đồng phạm nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, xét tính chất và vai trò của từng bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo có vai trò ngang nhau trong đó: Bị cáo Phạm Văn T dùng tay đấm 2 lần trúng người anh T2 yêu cầu anh T2 thanh toán nhưng anh T2 chưa thanh toán nên T tiếp tục dùng tay tát 01 lần trúng vào mặt và đấm 01 lần trúng vào người anh T2 để uy hiếp anh T2 buộc anh T2 phải thanh toán ngay tiền dịch vụ hát. Bị cáo Hoàng T4 có hành vi tát vào mặt anh T2 2 lần yêu cầu anh T2 phải thanh toán tiền phòng và tiền dịch vụ ngay, sau khi tát xong T4 xuống tầng 1 và ra về còn bị cáo Kiều Văn Đ1 có hành vi giúp sức cho T, T4 bằng việc mở điện thoại của anh T2, yêu cầu anh T2 đăng nhập tài khoản để chuyển khoản cho T thanh toán tiền hóa đơn còn nợ, khi anh T2 run tay không mở được thì Đ lấy điện thoại của anh T2, yêu cầu anh T2 đọc mật khẩu ngân hàng, sau khi đăng nhập được tài khoản Đ đưa điện thoại cho anh T2 để anh T2 tự quét mã QR tài khoản của T để thanh toán tiền dịch vụ.

Đối với hành vi của các bị cáo Lê Thúc H1, Dương Văn H3 và Trần Trọng L1 thấy: Bị cáo Lê Thúc H1 khi được bị cáo T thông báo có khách (anh T2) sử dụng dịch vụ hát nhưng chưa trả tiền và đề nghị H1 về giải quyết việc anh T2 thiếu tiền,

H1 yêu cầu Dương Văn H3 đến phòng hát 403 để trông giữ anh T2 chờ anh T2 trả tiền hoặc người nhà đến trả tiền mới cho về. H3 trông giữ anh T2 từ khoảng 01h00 đến khoảng 03h00 ngày 26/9/2025, sau đó H3 gọi cho Trần Trọng L1 là nhân viên trực cùng ca với H3 trong quán xuống cùng H3 trông giữ anh T2. Xét hành vi của các bị cáo H1, H3, L1 thấy cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo H3 thấp hơn bị cáo H1 và cao hơn bị cáo L1.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử có xem xét thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối của các bị cáo, nhân thân các bị cáo chưa có tiền án tiền sự lần đầu bị đưa ra xét xử; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả và người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với tất cả các bị cáo, sau khi phạm tội các bị cáo đã đến cơ quan công an đầu thú để áp dụng điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 đối với tất cả các bị cáo. Bị cáo Hoàng T4 có bà nội được tặng huy chương. Đối với các bị cáo Dương Văn H3, Trần Trọng L1 có vai trò thứ yếu, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với hai bị cáo H3 và L1 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự quản lý của chính quyền địa phương nơi cư trú cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung đồng thời thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật.

[3] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Về dân sự: người bị hại anh Đoàn Sĩ T2 đã nhận bồi thường, không có yêu cầu gì khác về dân sự nên không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: không

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T, Hoàng T4 và Kiều Tiến Đ phạm tội "*Cướp tài sản*"; các bị cáo Lê Thúc H1, Dương Văn H3 và Trần Trọng L1 phạm tội *"Giữ người trái pháp luật".*

- Áp dụng khoản 1 Điều 168, Điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự; Điều 299 và khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn T; Hoàng T4, Kiều Tiến Đ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157, Điểm b, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Thúc H1;

- Áp dụng khoản 1 Điều 157, Điểm b, s, i khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Dương Văn H3 và Trần Trọng L1

- Áp dụng Khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí.

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T 36 (ba mươi sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo hạn thử thách 60 tháng kể từ ngày Tòa tuyên án.

Xử phạt bị cáo **Hoàng T4 36 (ba mươi sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo hạn thử thách 60 tháng kể từ ngày Tòa tuyên án.

Xử phạt bị cáo **Kiều Tiến Đ 36 (ba mươi sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo hạn thử thách 60 tháng kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Phạm Văn T, H, Kiều Tiến Đ nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Xử phạt bị cáo **Lê Thúc H1 08 (tám)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 16 tháng kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo **Dương Văn H3 07 (bảy)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 14 tháng kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo **Trần Trọng L1 06 (sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 12 tháng kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Văn T về Ủy ban nhân dân phường S, tỉnh Hưng Yên quản lý giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Giao bị cáo Hoàng T4 về Ủy ban nhân dân phường A, tỉnh Tuyên Quang quản lý giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Giao bị cáo Kiều Tiến Đ về Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Ninh Bình quản lý giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Giao bị cáo Lê Thúc H1 về Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hóa quản lý giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Giao bị cáo Dương Văn H3 về Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Thái Nguyên quản lý giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Giao bị cáo Trần Trọng L1 về Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Ninh Bình quản lý giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện

theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.Về trách nhiệm dân sự: không giải quyết.

3. Về vật chứng: không

4. Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn T, Hoàng T4, Kiều Tiến Đ, Lê Thúc H1, Dương Văn H3 và Trần Trọng L1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Phạm Văn T, Hoàng T4, Kiều Tiến Đ, Lê Thúc H1, Dương Văn H3 và Trần Trọng L1 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại anh Đoàn Sĩ T2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- VKSND khu vực 4 - Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND Tp Hà Nội.
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Hà Nội.
- Lưu hồ sơ, văn phòng TAND khu vực 4 - Hà Nội.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lê Thị Thảo